

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

LÊ SỸ HỒNG MINH

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc

Nhận bài ngày 02/10/2025. Sửa chữa xong 05/11/2025. Duyệt đăng 10/11/2025.

Abstract

This article analyzes the current state of vocational training and proposes key measures to enhance the quality of vocational education in response to labor market demands during the innovation period. The recommended solutions focus on curriculum and teaching-method reform, strengthening partnerships between training institutions and businesses, improving facilities and training equipment, and developing the professional competence of instructors. These measures aim to build a high-quality workforce capable of meeting the requirements of industrialization and international integration.

Keywords: Human resources, solution, vocational education, vocational training, vocational training quality.

1. Đặt vấn đề

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, nguồn nhân lực (NNL) chất lượng cao giữ vai trò then chốt trong phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên nhu cầu lao động có tay nghề, kỹ năng nghề nghiệp ngày càng lớn. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo nghề hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Nhiều chương trình đào tạo còn lạc hậu, thiếu gắn kết với doanh nghiệp và thị trường lao động. Phương pháp giảng dạy chủ yếu mang tính lý thuyết, chưa phát huy năng lực sáng tạo của người học. Cơ sở vật chất và trang thiết bị ở nhiều trường nghề còn thiếu thốn, lạc hậu... Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng NNL sau đào tạo. Trong bối cảnh đó, việc tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề là hết sức cần thiết. Đây không chỉ là yêu cầu cấp bách mà còn là nhiệm vụ lâu dài. Nghiên cứu nội dung "Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong thời kỳ đổi mới" góp phần quan trọng vào việc đề xuất giải pháp đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của đào tạo nghề trong giai đoạn hiện nay

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014, đào tạo nghề nghiệp là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp [3, tr. 1]. Đào tạo nghề trong giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia:

2.1.1. Đào tạo nghề là nền tảng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế

Đào tạo nghề là một trong những nhiệm vụ quan trọng tạo NNL có khả năng thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động, đáp ứng các yêu cầu của hội nhập quốc tế, góp phần phát triển nhanh và bền vững đất nước. Tại các quốc gia phát triển, đào tạo nghề rất được chú trọng, được xem là định hướng của xã hội nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như tạo dựng nền tảng cho giới trẻ phát triển sự nghiệp, ổn định cuộc sống ngay từ khi còn trên ghế nhà trường. Tại nhiều quốc gia, học sinh được phân luồng từ rất sớm, được hỗ trợ chọn nghề và lộ trình học nghề phù hợp.

Email: leminh291175@gmail.com

Đào tạo nghề giúp người học được trang bị kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành phù hợp với từng lĩnh vực sản xuất, dịch vụ cụ thể. Trong thời đại công nghệ số, khi yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp ngày càng cao, đào tạo nghề trở thành cầu nối giữa hệ thống giáo dục và thị trường lao động. Một lực lượng lao động được đào tạo bài bản không chỉ đáp ứng nhu cầu tuyển dụng trong nước mà còn có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động quốc tế. Đào tạo nghề góp phần quan trọng cung ứng nhân lực cho tăng trưởng, tăng năng suất lao động, giúp Việt Nam thoát “bẫy thu nhập trung bình”.

2.1.2. Đào tạo nghề góp phần giải quyết việc làm và giảm tỷ lệ thất nghiệp

Đào tạo nghề hướng tới thực hành và kỹ năng nghề nghiệp, giúp người học dễ dàng hòa nhập vào môi trường lao động thực tế. Chương trình đào tạo nghề gắn liền với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, đặc biệt là kỹ thuật, công nghệ, giúp người học có định hướng nghề nghiệp phù hợp và tăng cơ hội việc làm. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, người lao động có kỹ năng và kiến thức chuyên môn, đủ điều kiện để tìm kiếm việc làm mới hoặc tự tạo ra việc làm, tự kinh doanh. Điều này không chỉ giúp giảm áp lực về việc làm, đặc biệt đối với thanh niên nông thôn mà còn tạo cơ hội cho người lao động tự khởi nghiệp và tham gia phát triển kinh tế địa phương. Khi có nhiều người được đào tạo nghề và tìm được việc làm, tỷ lệ thất nghiệp sẽ giảm xuống, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Nhờ đó, đào tạo nghề trở thành một trong những công cụ hữu hiệu để bảo đảm an sinh xã hội.

2.1.3. Đào tạo nghề thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại

Trong tiến trình phát triển kinh tế, việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ là xu hướng tất yếu. Đào tạo nghề đóng vai trò “cầu nối” giúp người lao động thích nghi với môi trường làm việc mới, có khả năng vận hành máy móc, thiết bị công nghệ cao. Cơ cấu lao động của Việt Nam ngày càng hợp lý hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức. Như vậy, công tác đào tạo nghề sẽ góp phần nâng cao chất lượng NNL, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng kinh tế công nghiệp và dịch vụ, đảm bảo an ninh lương thực, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân, giảm nghèo bền vững và là động lực để xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại.

2.1.4. Đào tạo nghề góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả lao động

Lao động có tay nghề cao thường làm việc với năng suất gấp nhiều lần so với lao động chưa qua đào tạo. Khi người lao động được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng nghề, họ có khả năng vận dụng công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đào tạo nghề cung cấp cho người lao động kỹ năng chuyên môn, giúp họ thực hiện công việc nhanh chóng, chính xác và hiệu quả hơn, từ đó nâng cao năng suất lao động cá nhân. Đây chính là yếu tố then chốt giúp các doanh nghiệp tăng sức cạnh tranh và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế quốc gia.

2.1.5. Đào tạo nghề nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

Trong môi trường kinh tế toàn cầu, quốc gia nào sở hữu NNL chất lượng cao sẽ có lợi thế trong thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và mở rộng thị trường. Đào tạo nghề gắn với tiêu chuẩn quốc tế giúp người lao động Việt Nam có thể làm việc trong môi trường toàn cầu, đáp ứng yêu cầu của các tập đoàn đa quốc gia. Qua đó, Việt Nam khẳng định vị thế trên bản đồ lao động khu vực và thế giới. NNL chất lượng cao là yếu tố cốt lõi tạo nên sức mạnh cạnh tranh của một quốc gia. Đào tạo nghề cung cấp NNL có kỹ năng, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế mới, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể của quốc gia trên trường quốc tế. Ngoài ra, đào tạo nghề không chỉ tập trung vào kỹ năng chuyên môn mà còn chú trọng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng mềm, tinh thần sáng tạo và ý thức bảo vệ môi trường. Khi đào tạo gắn liền với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, hệ thống giáo dục nghề nghiệp trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

2.2. Thực trạng công tác đào tạo nghề ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Những kết quả đã đạt được

Một là, Đảng, Nhà nước và các địa phương trên cả nước đã quán triệt, nâng cao nhận thức vai trò của

giáo dục, đào tạo nghề nghiệp đối với việc nâng cao chất lượng NNL nói riêng và phát triển đất nước nói chung. Việt Nam đã có chiến lược dài hạn phát triển công tác đào tạo nghề và có cơ chế, chính sách mới tạo thuận lợi cho lĩnh vực này. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó có điểm mới, khẳng định: “Giáo dục nghề nghiệp giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao” [1, tr. 2]. Chiến lược quan trọng này sẽ giúp ngành Giáo dục Việt Nam có động lực lớn để bứt phá mạnh và trong đó, giáo dục nghề nghiệp - một lĩnh vực trọng yếu của quốc gia sẽ có những cơ hội lớn để thay đổi, bứt phá. Nghị quyết số 71 đã tạo ra bước đột phá quan trọng về cơ chế và chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp. Theo đó, đào tạo nghề không còn là nhiệm vụ riêng của Nhà nước mà trở thành sự nghiệp chung của toàn xã hội, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt. Nghị quyết nhấn mạnh việc trao quyền tự chủ mạnh mẽ hơn cho các cơ sở đào tạo nghề, đặc biệt trong các lĩnh vực xây dựng chương trình đào tạo, tuyển sinh, hợp tác với doanh nghiệp và mở rộng quan hệ quốc tế.

Bên cạnh đó, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào quá trình đào tạo nghề, từ khâu thiết kế chương trình, tổ chức đào tạo thực hành đến đánh giá kết quả học tập nhằm bảo đảm kỹ năng nghề nghiệp của người học sát với nhu cầu thực tế. Đồng thời, Nghị quyết mở rộng cơ chế hợp tác công - tư (PPP) và xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, huy động tối đa nguồn lực đầu tư từ doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng để phát triển hệ thống đào tạo nghề hiện đại, linh hoạt và hiệu quả hơn.

Hai là, mạng lưới cơ sở đào tạo nghề phát triển mạnh mẽ: Tính đến tháng 9/2025, cả nước có 1.163 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó hơn 55% là ngoài công lập. Công tác tuyển sinh đạt 2,43 triệu người trong năm 2024, riêng 6 tháng đầu năm 2025 đạt gần 1 triệu người. 245 trường cao đẳng đã tham gia hệ thống tuyển sinh chung với đại học, mở rộng cơ hội học tập và liên thông [4]. Nhiều địa phương đã chú trọng phát triển trung tâm dạy nghề theo nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và người dân.

Ba là, quy mô tuyển sinh và chất lượng đầu ra được cải thiện: Mỗi năm, hệ thống giáo dục nghề nghiệp đào tạo khoảng 2,2-2,5 triệu người. Chất lượng đào tạo được cải thiện rõ rệt: Hơn 80% người học có việc làm, trong đó nhiều trường đạt 100%. Các ngành mới như AI, chip bán dẫn, năng lượng xanh được đưa vào đào tạo, gắn với nhu cầu nhân lực cho kinh tế số và kinh tế tuần hoàn. Hơn 7.200 doanh nghiệp đã ký kết hợp tác, tiếp nhận trên 310.000 lượt thực tập sinh, góp phần nâng tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp lên trên 85% [5]. Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện và xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam đã và đang chủ động đổi mới mô hình hoạt động theo hướng hiện đại và thông minh hơn. Nhiều trường đã từng bước xây dựng mô hình “trường học số”, “trường học thông minh”, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và kiểm định chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và minh bạch hóa quá trình đào tạo.

Cùng với đó, hệ thống cơ sở dữ liệu và văn bằng số được triển khai đồng bộ trên toàn quốc, giúp số hóa hồ sơ người học, tạo điều kiện cho việc liên thông giữa các cấp, các trình độ đào tạo và kết nối dữ liệu với hệ thống quốc gia. Việc này không chỉ giúp quản lý minh bạch, chính xác hơn mà còn hỗ trợ công tác kiểm định chất lượng và công nhận kỹ năng nghề trong bối cảnh thị trường lao động số.

Bốn là, hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp được mở rộng: Nhiều mô hình “đào tạo kép” giữa trường nghề và doanh nghiệp đã hình thành. Giáo dục, đào tạo nghề ở Việt Nam đang chủ động hội nhập quốc tế thông qua việc tham gia Mạng lưới giáo dục nghề nghiệp ASEAN (ASEAN-TVET Council) và các chương trình hợp tác với UNESCO, GIZ (Đức), JICA (Nhật Bản)... Nhiều chương trình đào tạo nghề đã được chuẩn hóa theo khung năng lực ASEAN và tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc tế (ISQF). Điều này giúp chứng chỉ nghề Việt Nam từng bước được công nhận trong khu vực, mở rộng cơ hội việc làm cho lao động Việt Nam ở thị trường nước ngoài. Tiêu biểu, năm 2024, Việt Nam đã ký kết chương trình hợp tác giáo dục nghề nghiệp Việt Nam - Đức giai đoạn mới, hướng đến đào tạo nghề kép, công nhận kỹ năng nghề tương đương giữa hai nước. Bên cạnh đó, nhiều trường nghề trong nước như Trường Cao đẳng Lilama 2, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II, Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội... đã trở thành trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao ASEAN và quốc tế, góp phần khẳng định vị thế của giáo dục

nghề nghiệp Việt Nam trên bản đồ khu vực.

2.2.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

Chất lượng đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động: Một trong những điểm yếu nổi bật của đào tạo nghề Việt Nam là chất lượng đầu ra còn thấp và thiếu tính thực tiễn. Theo báo cáo của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, 2024), chỉ khoảng 70-75% học viên có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau tốt nghiệp, trong đó nhiều doanh nghiệp phản ánh người lao động “chưa đáp ứng yêu cầu kỹ năng thực hành”. Tại các khu công nghiệp ở Bắc Ninh và Hải Phòng, nhiều doanh nghiệp FDI (như Samsung, LG) phải tự tổ chức đào tạo lại cho lao động mới tuyển, do kỹ năng vận hành thiết bị và tư duy sản xuất chưa đạt chuẩn. Điều này phản ánh khoảng cách lớn giữa đào tạo trong trường và nhu cầu thực tế tại doanh nghiệp. Nguyên nhân do chương trình đào tạo còn lạc hậu, chậm cập nhật công nghệ mới và kỹ năng mềm. Phương pháp giảng dạy nặng lý thuyết, thiếu thực hành, dẫn đến người học thiếu năng lực thực tiễn. Đội ngũ giáo viên nghề chưa được chuẩn hóa, nhiều người thiếu kinh nghiệm thực tế sản xuất.

Cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo mất cân đối: Hiện nay, cơ cấu đào tạo nghề vẫn thiên lệch về trình độ cao đẳng, trong khi nhu cầu xã hội lại cần lượng lớn lao động trình độ trung cấp và sơ cấp. Ở Việt Nam, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ ở mức trung bình nhưng tập trung chủ yếu ở khối dịch vụ - thương mại, trong khi lĩnh vực công nghiệp - kỹ thuật lại thiếu trầm trọng nhân lực tay nghề. Nhiều địa phương tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, lao động chưa qua đào tạo chiếm số lượng lớn, chủ yếu là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, năng suất lao động thấp, trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động tham gia vào lực lượng lao động chưa đáp ứng được nhu cầu. Hạn chế trên xuất phát từ công tác dự báo nhu cầu nhân lực còn yếu, khiến quy hoạch ngành nghề đào tạo không phù hợp với nhu cầu thực tế. Một phần do hướng nghiệp trong trường phổ thông chưa hiệu quả, phần lớn học sinh và phụ huynh vẫn hướng tới đại học thay vì học nghề. Bên cạnh đó, chúng ta chưa có cơ chế gắn kết vùng - ngành trong quy hoạch đào tạo nghề, dẫn đến tình trạng “thừa ở nơi này, thiếu ở nơi khác”.

Liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp còn lỏng lẻo: Mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn thiếu chặt chẽ và thiếu cơ chế ràng buộc. Trên cả nước nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực cơ khí - tự động hóa cho biết họ chưa được tham vấn trong xây dựng chương trình đào tạo nghề, dẫn đến việc người học thiếu kỹ năng sử dụng máy CNC, robot công nghiệp hay phần mềm thiết kế hiện đại. Điều này do thiếu cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo như ưu đãi thuế, hỗ trợ chi phí hay công nhận kết quả đào tạo tại doanh nghiệp. Các cơ sở đào tạo nghề thiếu năng lực hợp tác quốc tế, chưa đủ khả năng triển khai mô hình “đào tạo kép” như các nước phát triển. Mặt khác do thiếu niềm tin và cơ chế phối hợp giữa hai bên, dẫn đến tình trạng “trường dạy theo khả năng - doanh nghiệp tuyển theo nhu cầu”.

Nguồn lực đầu tư và chuyển đổi số còn hạn chế: Mặc dù chuyển đổi số đã được khởi động trong đào tạo nghề nhưng mức độ ứng dụng vẫn còn thấp và không đồng đều, phần lớn tập trung tại các đô thị lớn. Nhiều trường ở vùng sâu, vùng xa vẫn thiếu trang thiết bị, hạ tầng công nghệ và nhân lực công nghệ thông tin. Một số trường trung cấp nghề tại Tây Nguyên vẫn sử dụng giáo trình in giấy và thiết bị thực hành cũ kỹ, trong khi doanh nghiệp địa phương đã ứng dụng dây chuyền tự động hóa. Điều này làm gia tăng khoảng cách giữa đào tạo và sản xuất hiện đại. Hạn chế này xuất phát từ thực tế đầu tư ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp còn thấp, công tác xã hội hóa và hợp tác công - tư (PPP) chưa phát huy hiệu quả, khiến nguồn lực ngoài nhà nước chưa được huy động mạnh. Năng lực quản trị số và kỹ năng công nghệ của cán bộ quản lý còn yếu, ảnh hưởng đến tiến độ số hóa hệ thống.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong thời kỳ đổi mới

2.3.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển đào tạo nghề

Trước hết, để thúc đẩy hệ thống giáo dục, đào tạo nghề phát triển bền vững cần đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách quản lý nhà nước theo hướng trao quyền tự chủ, mở rộng xã hội hóa và tăng tính

linh hoạt. Căn cứ thể hóa chủ trương tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển đào tạo nghề, trong đó khẳng định “Giáo dục nghề nghiệp không chỉ là nhiệm vụ của Nhà nước mà là sự nghiệp của toàn xã hội, đặc biệt là doanh nghiệp”. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng chuẩn đầu ra, cơ chế kiểm định và giám sát; còn các cơ sở đào tạo nghề được trao quyền tự chủ trong tuyển sinh, xây dựng chương trình, hợp tác quốc tế và quản trị tài chính. Bên cạnh đó, cần mở rộng cơ chế hợp tác công - tư (PPP), khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, đào tạo nghề thông qua chính sách ưu đãi thuế, tín dụng hoặc đặt hàng đào tạo.

2.3.2. Tăng cường gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp

Một trong những điểm nghẽn lâu dài của đào tạo nghề là khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Do đó, việc thiết lập mối quan hệ hợp tác bền vững giữa cơ sở đào tạo và khu vực sản xuất - kinh doanh là giải pháp mang tính đột phá. Doanh nghiệp cần được tham gia ngay từ khâu thiết kế chương trình, giảng dạy thực hành, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng đầu ra. Phát triển các mô hình đào tạo linh hoạt như “đào tạo kép” - học sinh vừa học tại trường, vừa thực hành tại doanh nghiệp. Nhà nước cần có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo như ưu đãi thuế cho doanh nghiệp có học viên thực tập, hỗ trợ chi phí hướng dẫn nghề, và công nhận kết quả học tập tại doanh nghiệp. Sự liên kết chặt chẽ này giúp người học có kỹ năng sát thực tế, còn doanh nghiệp có được nguồn lao động “vào việc ngay”, không cần đào tạo lại.

2.3.3. Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo

Chất lượng đào tạo nghề phụ thuộc trực tiếp vào chương trình và phương pháp dạy học. Hiện nay, nhiều chương trình vẫn nặng lý thuyết, chậm cập nhật công nghệ, chưa chú trọng kỹ năng số và kỹ năng mềm. Do đó, cần chú trọng cập nhật chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực nghề quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế, gắn với tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia (VNS). Tăng thời lượng thực hành (chiếm ít nhất 60-70% tổng thời gian học), sử dụng phương pháp dạy học tích hợp - dự án - mô phỏng nghề (simulation). Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên nghề, bắt buộc có kinh nghiệm thực tế tại doanh nghiệp tối thiểu 2 năm, được bồi dưỡng kỹ năng số và phương pháp sư phạm hiện đại... Việc đổi mới chương trình không chỉ giúp người học tiếp cận kỹ năng nghề tiên tiến mà còn tăng khả năng hội nhập và di chuyển lao động trong khu vực ASEAN.

2.3.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp

Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu để tăng hiệu quả đào tạo và quản trị trong giáo dục, đào tạo nghề. Cần xây dựng “trường học số”, “trường học thông minh”, trong đó áp dụng các công cụ số trong quản lý, dạy học và đánh giá. Triển khai hệ thống quản lý học tập (LMS), học liệu điện tử, mô phỏng 3D, thực tế ảo (VR/AR) cho các ngành kỹ thuật, cơ khí, du lịch... Từng bước số hóa hồ sơ học viên, văn bằng, chứng chỉ, kết nối dữ liệu giữa cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp và cơ quan quản lý để minh bạch hóa năng lực người học. Đồng thời, đầu tư nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi.

2.3.5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và công nhận kỹ năng nghề

Hội nhập quốc tế là con đường ngắn nhất để nâng tầm chất lượng đào tạo nghề Việt Nam. Do đó, nước ta cần tích cực tham gia Khung trình độ kỹ năng nghề ASEAN (AQRF) và tiến tới công nhận lẫn nhau về chứng chỉ nghề giữa các quốc gia trong khu vực. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNESCO, GIZ (Đức), KOICA (Hàn Quốc), JICA (Nhật Bản) trong việc chuyển giao công nghệ, chương trình và đào tạo giảng viên. Tổ chức các kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia và quốc tế (WorldSkills) để đánh giá, nâng chuẩn kỹ năng lao động. Bên cạnh đó, để thúc đẩy đào tạo nghề cần tăng cường giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông, giúp học sinh hiểu rõ năng lực, sở thích và triển vọng nghề nghiệp. Đẩy mạnh truyền thông xã hội, nêu gương người thành công từ học nghề, ví dụ như các kỹ sư, thợ cơ khí, đầu bếp, nhà thiết kế kỹ thuật... Tổ chức các ngày hội nghề nghiệp, tư vấn hướng nghiệp, thi kỹ năng nghề trẻ để học sinh và phụ huynh có cơ hội trải nghiệm thực tế.

Xem tiếp trang 262